TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2022/HNGĐ – ST
Ngày: 21/01/2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;
2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 257/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983
Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước theo

giấy đăng ký kết hôn số 03, ký ngày 23/01/2007. Vợ chồng chung sống không có sự hòa hợp thường xuyên cãi vả. Nguyên nhân dẫn đến việc này là do anh Nguyễn Văn A hay ghen tuông vô cớ, thường nghi ngờ chị ngoại tình làm thất thoát tiền bạc trong nhà, rồi kiếm cớ hành hạ, đánh đập chị. Việc này xảy ra thường xuyên. Thời gian gần đây nhất là khoảng tháng 4 năm 2021 anh Nguyễn Văn A ghen tuông, đánh đập chị khiến chị phải đi khám ở bệnh viện. Việc làm này của anh Nguyễn Văn A khiến chị không thể tiếp tục chung sống nên chị đã dọn ra ngoài ở và sống ly thân với anh Nguyễn Văn A cho đến nay. Chị thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân như vậy, bản thân anh Nguyễn Văn A không thể thay đổi nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn A có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 17/8/2007 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2012. Đối với việc người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, chị tôn trọng quyết định của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn A tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn A có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N số tiền là 500.000.000đ. Số nợ này chị và anh Nguyễn Văn A tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị H. Anh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Nguyễn Thị H trình bày. Anh thừa nhận vào khoảng tháng 4 năm 2021 anh thấy có chị Nguyễn Thị H chi tiêu tiền bạc trong gia đình không rõ ràng nên nghi ngờ chị Nguyễn Thị H ngoại tình. Trong lúc hai bên cãi vả anh có nắm tóc chị Nguyễn Thị H gây chảy máu ở đầu, chứ anh không có đánh đập chị Nguyễn Thị H. Từ tháng 4 năm 2021 chị Nguyễn Thị H dọn ra ở riêng, anh nhiều lần nói chuyện mong chị Nguyễn Thị H tha thứ và về đoàn tụ nhưng chị Nguyễn Thị H không đồng ý. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh có nguyện vọng đoàn tụ với chị Nguyễn Thị H vì còn yêu thương vợ con và mong muốn đoàn tụ để con cái có đủ cha và mẹ.

Tại phiên tòa, anh thừa nhận trong thời gian chung sống anh có đánh đập chị Nguyễn Thị H nhiều lần do chị Nguyễn Thị H làm vợ, làm mẹ không

tốt và do vợ chồng có những bất đồng trong cuộc sống. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H thì anh chỉ đồng ý ly hôn trong trường hợp chị Nguyễn Thị H giao hai con cho anh nuôi dưỡng.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Nguyễn Thị H về con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản này.

Về nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N số tiền là 800.000.000đ. Số nợ này anh và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 17/8/2007 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn A đều khai nhận vợ chồng có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N – chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N – chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước xác nhận nội dung này. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với việc cho vay vốn này và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này nên không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn A đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 03, ký ngày 23/01/2007. Lời khai của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn A phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn A là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị H chị làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh Nguyễn Văn A khai nhận anh còn yêu thương vợ con và mong muốn con có đủ cha lẫn mẹ nên mong muốn đoàn tụ. Xét, mâu thuẫn của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H khai nhận trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn A nhiều lần do ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị Nguyễn Thị H ngoại tình. Anh Nguyễn Văn A đã đánh đập, hành hạ chị. Việc này đã kéo dài qua nhiều năm. Chị không thể chịu đựng được nữa nên có nguyện vọng được giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn A. Xét, lời khai của chị Nguyễn Thị H phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục số 28, 29). Mặt khác, Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn A cũng thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị H về việc ghen tuông, nghi ngờ chị Nguyễn Thị H ngoại tình và cũng thừa nhận nhiều lần đánh đập chị Nguyễn Thị H vì cho rằng chị Nguyễn Thị H làm vợ, làm mẹ không tốt. Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Văn A vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa

vụ của người chồng. Những hành vi của anh Nguyễn Văn A đã làm tổn thương chị Nguyễn Thị H khiến chị Nguyễn Thị H mất niềm tin vào anh Nguyễn Văn A khiến hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn A khai nhận anh không đồng ý ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn trong trường hợp chị Nguyễn Thị H đồng ý giao hai con cho anh Nguyễn Văn A nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 10 Điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình có đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Văn A đã có hành vi cản trở việc ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn A khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 17/8/2007 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2012. Lời khai của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn A phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng tôn trọng ý kiến của hai con. Anh Nguyễn Văn A có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H khai nhận anh Nguyễn Văn A có những biểu hiện rối loạn về mặt tâm thần nên chị cho rằng việc giao con chung cho anh Nguyễn Văn A nuôi dưỡng không đảm bảo cho việc phát triển của con. Anh Nguyễn Văn A không thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị H. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn A đều không yêu cầu trưng cầu giám định pháp y về khả năng nhận thức của anh Nguyễn Văn A nên lời khai của chị Nguyễn Thị H không có cơ sở chấp nhận.

Xét, cháu Nguyễn Thị Diễm Q là bé gái đang ở lứa tuổi dạy thì là độ tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý, còn cháu Nguyễn Văn N là bé trai hiện 10 tuổi là độ tuổi của sự hiếu động và cũng là lứa tuổi chuẩn bị cho việc chuyển cấp (sang cấp 2) cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Tuy nhiên, theo lời khai của người làm chứng (bút lục số 29, 30) thì anh Nguyễn Văn A thường xuyên uống rượu say xỉn. Điều này không đảm bảo thời gian cho việc chăm sóc con chung. Ngoài ra, theo lời khai của người làm chứng (bút lục số 29, 30) khai nhận thì ban đêm anh Nguyễn Văn A thường xuyên chửi bới gây ảnh hưởng đến giấc ngủ của hàng xóm. Như vậy,

đối với hành vi nói trên của anh Nguyễn Văn A sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý, sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ.

Xét, về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Anh Nguyễn Văn A cho rằng chị Nguyễn Thị H không có đủ điều kiện nuôi dưỡng con vì chị Nguyễn Thị H không có thu nhập, nghề nghiệp. Trong thời gian anh Nguyễn Văn A về quê lo việc gia đình chị Nguyễn Thị H không về chăm sóc con và dẫn con đi sống ở nhà vệ sinh không đảm bảo điều kiện sống của con nên anh Nguyễn Văn A không đồng ý giao con cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Mặt khác, theo tài liệu, chứng cứ chị Nguyễn Thị H cung cấp cho Tòa án thì chị Nguyễn Thị H có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định cho việc nuôi con. Đồng thời, tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn A xác nhận trong thời gian anh Nguyễn Văn A đi về miền Bắc, chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con phát triển bình thường. Do đó, lời khai của anh Nguyễn Văn A không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cháu Nguyễn Thị Diễm Q và cháu Nguyễn Văn N đều có nguyện vọng được mẹ (chị Nguyễn Thị H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần tôn trọng ý kiến của hai cháu.

Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Thị Diễm Q và cháu Nguyễn Văn N. Theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Nguyễn Thị Diễm Q và cháu Nguyễn Văn N cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã

nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 016328 ký ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong).*

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Ph, huyện B;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh